

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nghệ Thuật; Chuyên ngành: Mỹ Thuật

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Minh Quang

2. Ngày tháng năm sinh: 12/07/1972; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P9+10 B30 Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bu rư điện): Số 5 Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0903262557; E-mail: quangdna@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9/2009 đến tháng 6/ 2022 là giảng viên khoa Sư phạm Mỹ thuật trường Đại học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên khoa Sư phạm Mỹ thuật trường Đại học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: Số 5 Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (84.8) 38030237

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 6 năm 1999; số văn bằng: 25819; ngành: Nghệ thuật, chuyên ngành: Hội họa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 5 năm 2008; số văn bằng: 0039306; ngành: Mỹ thuật tạo hình; chuyên ngành: Đồ họa; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 6 năm 2016;

Số văn bằng: Mã số: NO.102802016000072; Số bằng: 102809201601000006; ngành: Nghệ thuật; chuyên ngành: Mỹ thuật học;

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Thượng Hải, Trung Quốc

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Mỹ thuật tạo hình

- Sư phạm Mỹ thuật

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

. Thành viên 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước.

. Tác giả xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật 2018.

. Ủy viên thư ký Hội đồng xây dựng khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên đáp ứng Chương trình phổ thông mới.

- Đã công bố 10 bài báo khoa học (trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín).

- Số lượng sách đã xuất bản 03 (trong đó 01 sách chuyên khảo, 01 sách hướng dẫn *Hướng dẫn dạy học môn Mỹ thuật cấp Trung học cơ sở*, 01 sách giáo khoa môn Mỹ thuật lớp 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín).

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 03 giải thưởng quốc tế sáng tạo mỹ thuật ASEAN ART AWARDS; 01 giải thưởng Huy chương đồng triển lãm mỹ thuật toàn quốc.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng công nhận giải thưởng ASEAN ART AWARDS năm 2000

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bằng công nhận giải thưởng ASEAN ART AWARDS năm 2001-2002
- Bằng công nhận giải thưởng ASEAN ART AWARDS năm 2003-2004
- Huy chương đồng triển lãm mỹ thuật toàn quốc năm 2000
- Bằng chứng nhận 15 năm hoạt động mỹ thuật - công ty CP Mỹ thuật và vật phẩm văn hóa Hà Nội.
- Bằng khen của bộ trưởng bộ Giáo dục và đào tạo đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng chương trình giáo dục phổ thông năm 2018

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU'

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có tư cách phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức tuân thủ quy định của pháp luật.
- Đã được đào tạo chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy đại học và sau đại học.
- Biết sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu của công việc.
- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ được giao phó.
- Trung thực, khách quan, hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học.
- Luôn giữ gìn phẩm chất danh dự của nhà giáo và tôn trọng người học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: Tổng số 13 năm
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017					158		158/237/270
2	2017-2018					270		270/314/270
3	1018-2019					225		225/286/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020					323		323/323/270
5	2020-2021			02		285		285/425/270
6	2021-2022					349		308/349/270

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước (*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Trung Quốc

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS ; tại nước: Trung Quốc năm: 2011-2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia tiếng Anh trình độ B; Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; số hiệu A 2419062; Số vào sổ cấp chứng chỉ B-20/FLIC/31317-18417; cấp ngày 18/4/2017

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Tất Thịnh		x	x		2017-2019	Trường ĐHMT TP HCM	09/04/2021
2	Lê Kim Loan		x	x		2017-2019	Trường ĐHMT TP HCM	09/04/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	---	--

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

I Trước khi được công nhận TS							
1	Face, Lacquer painting (Gương Mặt, Tranh Sơn mài)	CK	Nhà xuất bản: Mỹ thuật năm xuất bản: 2007	03	x		Số xác nhận đăng kí xuất bản: QĐ.66- 2007/CXB/01 - 04MT inssuedn 21/11/2007
II Sau khi được công nhận TS							
1	Hướng dẫn dạy học môn Mĩ thuật cấp Trung học cơ sở (theo chương trình giáo dục phổ thông mới).	HD	Nhà xuất bản: Đại học sư phạm năm xuất bản: 2021 ISBN 978-604-54-7266-8	04	x		Số xác nhận đăng kí xuất bản: 11/2021/CXBIPH/37-01/ĐHSP. Quyết định xuất bản số: 704/NXBĐHSP ngày 03/6/2021. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2021

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [], Sau TS đã xuất bản 01 sách hướng dẫn, mà ứng viên là chủ biên do nhà xuất bản có uy tín xuất bản.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận PGS/TS					
1					
II Sau khi được công nhận TS					
1	Nghiên cứu ứng dụng các tác phẩm mỹ thuật trong giáo dục truyền thống Việt Nam cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học	Thành viên	KHGD/16-20.ĐT.030 Cấp nhà nước	2018-2022	05/05/2022 Đạt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;
 TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	从1986-2015年的越南革新绘画是否真正的革新 (Hội họa Việt nam Đổi mới từ 1986 đến 2015)	01	x	艺术科技 Art Science and Technology ISSN 1004-9436			CN33-1166/TN, pp: 223-224	03.2016
2	越南当代绘画 (Hội họa đương đại Việt nam)	01	x	艺术科技 Art Science and Technology ISSN 1004-9436			CN33-1166/TN, pp: 220-221	04.2016
3	Communications and Arts (Truyền thông và Nghệ thuật)	01	x	Advances in Computer Science Research ISSN 2352-538X, 339-341.			Volume 40, Part 3, pp: 339-341	4/2016
4	Victor Tardieu và sự khởi đầu của Hội họa hiện đại Việt Nam	01	x	Tạp chí Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật. ISSN 0866-7349			Số 37, , Trang 63-66,	T9-2015
5	Biếm họa - nghệ thuật mang thông điệp phản biện xã hội	02	x	Tạp chí Văn hóa dân gian ISSN 0866-7284			Số 5(161), Trang 17-22,	2015
II	Sau khi được công nhận TS							
1	Aesthetic Taste (Thị hiếu Thẩm mỹ)	02	x	Advances in Computer Science Research ISSN 2352-5398X,			Volume 77, Part 1, pp: 62-64	7/2016
2	Mỹ thuật Việt Nam có thực sự đổi mới?	01		Tạp chí Văn nghệ Quân đội ISSN 2354-1296			Số 857, Trang 107-110, Tháng 11,	11/2016

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	Chuyên nghệ Hội họa sĩ câu chuyện không của riêng ai	01	x	Tạp chí Mỹ thuật ISSN 1859-1590			Số Trang 107-110,	Tháng 3, 4/ 2017
4	Ảnh hưởng tranh Sơn mài Việt Nam đến tranh Sơn mài Trung Quốc	01	x	Tạp chí Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật. ISSN 0866-7349			Số 4, , Trang 69-73,	4/2018
5	Nghệ thuật đương đại Việt Nam từ điểm nhìn khái quát	01	x	Tạp chí Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật. ISSN 0866-7349			Số 12, , Trang 49-53,	12/2019

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	DNA, Bằng công nhận giải thưởng ASEAN ART AWARDS	Ban thư ký ASEAN - Philip Morris Group of Companies	2000	Cấp Quốc tế	1

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Những gương mặt, Bằng công nhận giải thưởng ASEAN ART AWARDS	Ban thư ký ASEAN - Philip Morris Group of Companies	2001-2002	Cấp Quốc tế	1
3	DNA, Bằng công nhận giải thưởng ASEAN ART AWARDS	Ban thư ký ASEAN - Philip Morris Group of Companies	2003-2004	Cấp Quốc tế	1
4	Phong Cảnh, Huy chương Đồng	Bộ Văn hóa Thôn tin	Quyết định số: 3661/QĐ- VHTT ngày 12/12/2000	Cấp Quốc gia	1
5	DNA, Bằng chứng nhận 15 năm hoạt động Mỹ thuật	C. TY CP mỹ thuật và VPVH Hà Nội.	2000	Cấp Quốc gia	1
6	Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật 2018, Bằng khen của bộ trưởng BGDĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo	Quyết định số: 854/QĐ- BGDĐT ngày 05/4/2019	Cấp Quốc gia	1

- Triển lãm nghệ thuật

+ Triển lãm cá nhân

TT	Tên Triển lãm cá nhân	Bảo tàng/gallery	Địa điểm	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Thời gian
1	Triển lãm “The Waters”	Hanoi Studio	Hà Nội, Việt Nam	Cấp Quốc gia	2002
2	Triển lãm “Chairs”	Dong Phong Gallery	Hà Nội Việt Nam	Cấp Quốc gia	2006
3	Triển lãm “Face”	Dong Phong Gallery	Hà Nội Việt Nam	Cấp Quốc gia	2007
4	Triển lãm “The fourth dimension space”	Tu Do Gallery	TP Hồ Chí Minh Việt Nam	Cấp Quốc gia	2010
5	Triển lãm “The way out is in”	Dong Phong Gallery	Hà Nội Việt Nam	Cấp Quốc gia	2016

+ Triển lãm có tác phẩm được lựa chọn tham dự

TT	Tên Triển lãm đã	Tên tác phẩm, Chất	Cơ quan/tổ	Cấp Quốc	Thời gian
----	------------------	--------------------	------------	----------	-----------

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	tham dự	liệu, Kích thước, Năm sáng tác	chức	gia/Quốc tế	
1	Triển lãm “Vietnam Asean Fine Art Award” - Hà Nội Việt Nam	DNA, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 160x160cm, năm 2000	Ban thư ký ASEAN - Philip Morris Group of Companies	Cấp Quốc tế	2000
2	Triển lãm “Vietnam Fine Arts 45 art word” (45 tác phẩm mỹ thuật Việt Nam)	Chân dung I, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 40x40cm, năm 2000	Trung tâm bảo tàng quốc tế Oslo Na Uy	Cấp Quốc tế	2000
3	Mỹ thuật Đương đại Việt Nam - Na Uy (kỷ niệm 30 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Na Uy)	Cái đầu, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 120x120cm, năm 2001	Bộ Ngoại giao – Đại sứ quán Na Uy tại Việt Nam	Cấp Quốc tế	2001
4	Triển lãm “Vietnam Asean Fine Art Award” - Hà Nội Việt Nam	Những gương mặt, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 120x140cm, năm 2001	Ban thư ký ASEAN - Philip Morris Group of Companies	Cấp Quốc tế	2001-2002
5	“2002 Seoul world Art Exhibition”	The head 1, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 50x50cm, năm 2002	Seoul Hàn Quốc	Cấp Quốc tế	2002
6	Triển lãm “Vietnam Asean Fine Art Award” - Hà Nội Việt Nam	Face to Face, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 100x140cm, năm 2003	Ban thư ký ASEAN - Philip Morris Group of Companies	Cấp Quốc tế	2003-2004
7	“Thai Vietnam Contemporary Art Exhibition 2010” (Triển lãm Nghệ thuật đương đại 2010 Thái Lan Việt Nam)	Now of blue, chất liệu: Sơn dầu, kích thước: 100x100cm, năm 2010	Tại 11 trường đại học nghệ thuật Thái Lan và Việt Nam	Cấp Quốc tế	2010
8	Triển lãm Hội họa Exposition	Cá, chất liệu: In kẽm, kích thước: 40x50cm, năm 2010	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Trung tâm Văn hóa Việt Nam	Cấp Quốc tế	2010

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

			tại Pháp		
9	Triển lãm “Interchange”	Season over, chất liệu: Màu nước trên lụa, kích thước: 60x80cm, năm 2017	Đại học Chosun - Hàn Quốc	Cấp Quốc tế	2018
10	Triển lãm “Zeitgenössische Kunst aus Vietnam”	Silence, chất liệu: Màu nước trên lụa, kích thước: 60x80cm, năm 2018	Bảo tàng Klostervilla Adelberg - Cộng hòa Liên bang Đức.	Cấp Quốc tế	2018
11	Triển lãm “Asian Lacquer Craft Exchange Research in Shanghai”	Face to Face, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 120x120cm, năm 2019	(Dự án trao đổi sơn mài thủ công châu Á) - Thượng Hải - Trung Quốc.	Cấp Quốc tế	2019
12	Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc - Việt Nam 1996-2000	Phong Cảnh (Huy chương Đồng), chất liệu: Màu nước trên lụa, kích thước: 80x120cm, năm 1999	Bộ Văn hóa Thôn tin, Hội Mỹ thuật Việt Nam, Vụ Mỹ thuật	Cấp Quốc gia	2000
13	Triển lãm “Hội họa Hà Nội 2000”	DNA, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 120x120cm, năm 2000	TP Hà Nội - C. TY CP mỹ thuật và VPVH Hà Nội.	Cấp Quốc gia	2000
14	Triển lãm “SEA”	Một màu tím; chất liệu: Bìa, kích thước: 60x80cm, năm 2000	Đại sứ quán Đức tại Hà Nội, Chương trình nghệ thuật của ngân hàng Thế giới	Cấp Quốc gia	2000
15	Triển lãm “Autumn Hanoi s Lacquer”	Chân dung Chất liệu: Sơn mài, kích thước: 60x60cm, năm 2003	Lam Son gallery	Cấp Quốc gia	2003
16	Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc - Việt Nam 2001-2005	Cá thể sống, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 100x140cm, năm	Bộ Văn hóa Thôn tin - Hội mỹ thuật Việt Nam	Cấp Quốc gia	2005

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

		2005			
17	Triển lãm “ Tranh Sơn Mài 2008”, Nhân kỷ niệm 57 năm ngày truyền thống giới mỹ thuật Việt Nam	ADN, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 110x110cm, năm 2008	Hội mỹ thuật Việt Nam	Cấp Quốc gia	2008
18	Triển lãm “Tác giả tác phẩm”	Face to Face, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 50x70cm, năm 2005	Hội mỹ thuật Việt Nam	Cấp Quốc gia	2008
19	Triển lãm “Tranh in khắc 2009”	Người 1; 2; 3, chất liệu: in độc bản, kích thước: 50x70cm, năm 2009	Hội mỹ thuật Việt Nam	Cấp Quốc gia	2009
20	Triển lãm “Hội tụ”	Hiện tại màu xanh, chất liệu: Sơn dầu, kích thước: 100x100cm, năm 2009	Hội mỹ thuật Việt Nam	Cấp Quốc gia	2010
21	Triển lãm Sư Phạm Mỹ Thuật-Mỹ thuật Sư phạm	Blue of now, chất liệu: Sơn dầu, kích thước: 100x100cm, năm 2010	Đại học Mỹ Thuật TP HCM- Đại học Sư phạm Hà Nội	Cấp Quốc gia	2010
22	Triển lãm Nghệ thuật Sơn mài Sài Gòn Lần thứ 1	Chân dung 4 tấm, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 50x50cm, năm 2009	Đại học Mỹ Thuật TP HCM	Cấp Quốc gia	2010
23	Triển lãm Nghệ thuật Sơn mài Sài Gòn Lần thứ 2	Bái bóng, chất liệu: Sơn mài, kích thước: 50x50cm, năm 2009	Đại học Mỹ Thuật TP HCM	Cấp Quốc gia	2011
24	Triển lãm “Mỹ thuật Việt Nam - Ấn Độ”	Heritage, chất liệu: Sơn dầu, kích thước: 120x90cm, năm 2019	Đại học Mỹ Thuật TP HCM	Cấp Quốc gia	2021
25	Triển lãm “Lễ hội Mỹ thuật KOVIET 2021” -	Fish and water, chất liệu: in kẽm, kích thước: 65x45cm, năm 2021	Đại học Mỹ Thuật TP HCM	Cấp Quốc gia	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế: 03 giải thưởng

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật 2018	Thành viên	Quyết định thành lập ban phát triển chương trình môn học, số 789/QĐ/BGDĐT, 14/03/2017	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông, số 32/2018/TT-BGDĐT	
2	Hội đồng xây dựng khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên đáp ứng Chương trình phổ thông mới	Ủy viên thư ký	Quyết định thành lập Hội đồng, số 3782/QĐ/BGDĐT, 24/09/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo,		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2002

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Minh Quang